Nguyên âm *“-i¡”* cuối *âm* tiết được viết bằng “-¡” (viết hi, kỉ *l¡ ,mi,ti thay* cho *hy ky,*   
ly, *my,* ty) trừ *“-uy”* (/-wi⁄) vẫn *viết* -uy để *phân* biệt với -u¡ (so *sánh:* sui - suy, tui *-*   
tuy) và giữ sự thống nhất với *-uyên,* -uyêt, -uy. Những từ đa âm tiết mượn của   
tiếng nước ngoài bằng phiêm âm nói chung được viết liền *các* âm tiết và không   
đánh dấu thanh điệu (trừ trường hợp có dấu hiệu về hình thức là đã được Việt háo   
hoàn toàn về ngữ âm, chẳng hạn như có các thanh điệu huyền: *xà phòng* hoặc sắc:   
*phó mát,* v.v.). Những thuật ngữ khoa học có một hình thức chính tả bằng chữ cái   
Latin tương đối thống nhất dùng trên phạm vi quốc tế, thì nói chung tôn trọng dạng   
chính tẢ có tính thống nhất quốc tế *ấy* (nhưng đồng thời cũng có thu thập cả hình   
thức chính tả phiên âm - nếu có - dùng tương đối phổ biến hơn cả trong những năm   
gần đây). Để viết *các từ* mượn của tiếng nước ngoài bằng phiên âm, và đặc biệt là   
các thuật ngữ khoa học - kĩ thuật, cho phép dùng thêm các con chữ ƒ, */,* w. +.   
Về chuẩn chính tả cụ thể, quyển từ điển này căn cứ vào 7ừ *điển chính* tả tiếng Việt   
(Hoàng Phê chủ biên, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1985), có dựa vào tư liệu đính chính   
một số trường hợp cá biệt không quan trọng *lắm.*   
5. Đơn vị mục từ là từ, tổ hợp cố định tương đương từ, một số thành ngữ, hình vị, từ   
viết tắt và con chữ - kí hiệu.   
Dạng láy của từ được ghi thêm ở cuối mục *từ,* sau một dấu *//* ngăn cách. Riêng   
dạng lấy lặp âm hoàn toàn một cách đơn giản (như *xanh xanh, láy* lặp âm hoàn   
toàn của *xanh)* thì không ghi. Khi một đơn vị vốn là dạng lầy của từ đã phát triển   
thành một từ riêng, với nghĩa riêng (thí dụ: mơn *mởn, vốn* là dạng lầy của mởn), thì   
đơn vị này được đặt thành một mục từ như tất cả các từ khác.   
6. Các đơn vị mục từ được xếp theo thứ tự chứ cái:   
r ă â b c d đ e ẻ   
f ø h **1 1** k ] m n   
o ô ơ pD q r s t u   
ư v w x Y Z   
và theo thứ tự dấu giọng:   
- không dấu,   
- huyền,   
- hỏi,   
- ngã,   
- sắc,   
Đơn vị để xếp là từng khối viết liền, đơn tiết hoặc đa tiết, do đó *ác ý* xếp trước *ách* (Vì ác   
xếp trước *ách),* nhưng *apatit* viết liền xếp trước *apxe* (vì *apa-* xếp trước *apx-).*   
*7.* Nói chung mỗi đơn vị đồng âm là một mục từ. Các mục từ đông *âm* được xếp theo   
thứ tự: từ trước tổ hợp cố định hoặc trước hình vị. Nếu cùng là từ cả thì căn cứ vào   
từ loại xếp theo thứ tự: danh từ, *động* từ, *tính* từ, đại từ, phụ từ, kết từ, trợ từ, cảm   
từ. Nếu là từ thuộc cùng một từ loại (thường là danh từ, đôi khi là đông từ, tính từ),

thì căn cứ vào nội dung ngữ nghĩa, xếp theo thứ tự: từ có nghĩa cụ thể trước, từ có nghĩa   
trừu tượng sau; trong từ có nghĩa cụ thể thì từ nói về cái có sẵn trong tự nhiên (người,   
động vật, thực vật, khoáng vật) trước, từ nói về cái do con *người tạo* ra sau.   
Những đơn vị đồng âm có mối quan hệ nguồn gốc - ngữ nghĩa tương đối rõ thì   
không kể đó là những từ cùng một từ loại hay là những từ thuộc từ loại khác nhau,   
cũng không kể đó đều là từ hay là có những đơn vị không phải là từ, đều được xếp   
chung vào trong một mục từ, đành số bằng chữ số La Mã I, II,... theo một thứ tự   
căn cứ vào quan hệ chuyển nghĩa.   
HI. ĐỊNH NGHĨA   
1. Khi tách các nghĩa của một đơn vị đa nghĩa cũng như khi định nghĩa, quyển từ điển   
này chú ý đến những quan hệ ngữ nghĩa có tính hệ thống trong từ vựng.   
2. Quyển từ điển này không *tách* thêm nghĩa trong *trường* hợp có hiện tượng chuyển   
nghĩa đều đặn có tính quy luật, trong hàng loạt từ cùng một loại của tiếng Việt   
(như: từ chỉ đồ đựng, dùng để chỉ lượng đựng; tên gọi cây, đồng thời dùng để chỉ   
quả, củ, hoa, lá, gỗ, v.v., nói chung là bộ phận hứu ích, sản phẩm thu được từ cây;   
*từ* quan hệ thân thuộc, đồng thời dùng làm từ xưng gọi; từ chỉ số, dùng để chỉ thứ   
tự; một số động từ vừa có nghĩa nội động vừa có nghĩa ngoại động: v.v.).   
3. Các nghĩa của một đơn vị đa nghĩa được đánh số bằng chữ số A Rập 1,2,3,.. *xếp*   
theo *một* thứ tự căn cứ vào sự phát triển lôgic của ngữ nghĩa; khi không xác định   
được một thứ tự như vậy, thì nêu nghĩa cụ thể trước nghĩa trừu tượng, nghĩa đcn   
trước nghĩa bóng, nghĩa thông thường trước nghĩa chuyên môn hoặc phương ngữ,   
nghĩa thường dùng trước nghĩa cũ.   
4. Quyển từ điển này dùng hai kiểu định nghĩa sau đây:   
a) Định nghĩa phân tích, vạch rõ nội dung nghĩa, (hoặc, trong một số trường hợp,   
đặc biệt là với hư từ, vạch rõ chức năng) của từ ngữ, và, nếu cần, nêu phạm vi sử   
dụng, khả năng tổ hợp của từ ngữ, có chú ý sự khác nhau của những *từ* ngữ đồng nghĩa   
(nếu *có).* Kiểu định nghĩa này là chủ yếu, áp dụng cho phần lớn các từ ngữ, đặc biệt là   
cho những từ ngữ thuộc lớp từ vựng cơ bản. Với thuật ngữ khoa học, định nghĩa có   
dựa vào kiến thức khoa học về khái niệm nhưng không cung cấp đầy đủ kiến thức   
như trong một từ điển bách khoa.   
b) Định nghĩa đơn giản bằng từ đồng nghĩa hoặc dựa vào từ trái nghĩa. Kiểu định   
nghĩa này chỉ áp dụng tong trường hợp bản thân từ *đồng* nghĩa hoặc từ trái nghĩa ấy đã   
được định nghĩa phân tích, và cũng chỉ áp dụng một cách hạn chế, thường là cho những   
từ cũ và từ hương ngữ có từ tương đương trong tiếng Việt văn hóa ngày nay,   
5. Quyển từ điển này cố gắng định nghĩa theo cùng một kiểu như nhau những trường   
hợp nghĩa của từ ngữ có một cấu trúc giống nhau, bảo đảm sự nhất quấn ở một   
mức độ nhất định.   
6. Quyển từ điển này nói chung không định nghĩa từ ở dạng lấy, mà chỉ chú thích   
trong ngoặc đơn sắc thá nghĩa của dạng lấy của từ (ý *mức độ nhiều,* hay *là* ý *mức*   
*độ* ñ, ý lặp *đi lặp* lạt, *ý liên* tiếp, *ý nhấn mạnh,* ...).